

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 259/2025/DS-ST

Ngày: 26-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1101/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT; Địa chỉ trụ sở: Số A đường Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T; Địa chỉ: Số A đường Nam Kỳ Khởi N, phường Võ Thị S, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2024. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương V; Địa chỉ: Số C đường Lê Văn T, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT có người đại diện hợp pháp ông Dương Văn T trình bày:

Ngày 01/8/2022, bà Nguyễn Thị Phương V có ký với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,76%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 560.928.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà V phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà V đã thanh toán số tiền 516.102.941 đồng, thứ tự thanh toán theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/3/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ là 58.815.934 đồng thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 26/5/2025, bà V còn nợ 94.769.098 đồng, trong đó: Nợ gốc 58.815.934 đồng, lãi quá hạn 35.953.164 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 58.815.934 đồng với lãi suất quá hạn là 4,14%/tháng ($2,76\% \times 150\%$) tính từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, bà V vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà V phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/5/2025 là 94.769.098 đồng, trong đó: Nợ gốc 58.815.934 đồng, lãi quá hạn 35.953.164 đồng.

Bà V phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Toà án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải (02 lần); Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với bị đơn là bà V nhưng bà V đều vắng mặt không có lý do.

Do bà V vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà V vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT khởi kiện bà Nguyễn Thị Phương V phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bà V có nơi cư trú cuối cùng tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 9, quận G thì bà V có hộ khẩu thường trú tại Số C đường Lê Văn T, Phường D, quận G, hiện tại đã bán nhà đi đâu không rõ nên Tòa án nhân dân quận G tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà V theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà V đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có người đại diện hợp pháp ông Dương Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Trong vụ án này, bị đơn bà V vắng mặt, không đến tòa, coi như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Ngân hàng yêu cầu bà V thanh toán ngay số tiền nợ tính đến ngày 26/5/2025 là 94.769.098 đồng, trong đó: Nợ gốc 58.815.934 đồng, lãi quá hạn 35.953.164 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cùng lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà V, hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,76%/ tháng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 560.928.000 đồng. Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/3/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 58.815.934 đồng thành nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 4,14%/tháng (2,76%x150%) phù hợp với Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP SGTT. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/5/2025, tiền lãi quá hạn là 35.953.164 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà V phải thanh toán số nợ 94.769.098 đồng, trong đó: Nợ

gốc 58.815.934 đồng, lãi quá hạn 35.953.164 đồng hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Ngân hàng yêu cầu bà V còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 27/5/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.738.455 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại 1.848.638 đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí;

Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Phương V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền còn nợ tính đến ngày 26/5/2025 là 94.769.098 đồng, trong đó: Nợ gốc 58.815.934 đồng, lãi quá hạn 35.953.164 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 01/8/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP SGTT).

Kể từ ngày 27/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương V phải nộp 4.738.455 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.848.638 đồng theo Biên lai thu số 0014764 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

